

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS- ST.

Ngày: 03-6-2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thùy và ông Nguyễn Đắc Nhơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phan Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh D, sinh năm 1971 – *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1982 – *Vắng mặt.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Mạnh T, sinh năm 1980 – *Có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh D trình bày:

Ngày 08-8-2019 ông cho bà Đỗ Thị N vay số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để bà N sử dụng cho các hộ dân khó khăn vay vốn. Khi vay hai bên có viết giấy tờ, bà N ký tên. Tiền được chuyển vào tài khoản số 530020555XXXX tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đứng tên bà N, hạn 06 tháng sau sẽ trả nợ gốc. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 2,5%/tháng. Khi ông cho vay chồng bà N là ông Trần Mạnh T có biết nhưng không ký vào giấy tờ. Đến hạn, dù nhiều lần yêu cầu nhưng bà N không trả tiền nên ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Đỗ

Thị N, ông Trần Mạnh T phải trả 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ là ngày 08-02-2020 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Đỗ Thị N trình bày:

Ngày 08-08-2019 ông Nguyễn Thanh D có chuyển vào tài khoản của bà số tiền 100.000.000 đồng, mục đích để cho các hộ dân trong xã có hoàn cảnh khó khăn vay vốn. Hạn trả vào ngày 08-02-2020. Hai bên có viết giấy tay với nhau, không thỏa thuận lãi suất. Đến hạn, do hoàn cảnh khó khăn và những người bà cho vay tiền chưa có điều kiện trả lại nên bà đề nghị được trả dần cho ông D mỗi tháng 1.000.000 đồng vào ngày 01 hàng tháng, kể từ ngày 01-5-2021 với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định của pháp luật kể từ ngày 08-02-2020.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Mạnh T trình bày:

Ông và ông Nguyễn Thanh D không có quan hệ thân thích, ông biết ông D khoảng tháng 6 năm 2019 thông qua một số người thường xuyên đi làm từ thiện. Ông D có khoảng 2 đến 3 tháng ở nhà ông.

Bà Đỗ Thị N là vợ ông, cùng ở tại thôn B, xã N, h, tỉnh Đắk Nông. Thời điểm ông D chuyển tiền vào tài khoản của bà N ông không biết. Ông không rõ số tiền này bà N sử dụng như thế nào. Sau này khi ông D đến nhà đòi trả lại 100.000.000 đồng thì ông mới được bà N nói đã cho một số người vay tiền với lãi suất thấp, không rõ đã cho những ai vay với số tiền là bao nhiêu.

Nay ông D khởi kiện, do những người bà N cho vay chưa trả lại, hoàn cảnh kinh tế người vay đang khó khăn nên chưa trả được nợ nên đề nghị ông D để cho vợ chồng ông được trả dần. Mặc dù vợ ông là người nhận tiền, ông không biết sử dụng cụ thể như thế nào nhưng ông đồng ý cùng bà N trả nợ cho ông D.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị N cùng ông Trần Mạnh T trả cho ông 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày bà N vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 08-02-2020. Ông D không chấp nhận phương án cho bà N, ông D trả dần.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc giải quyết, xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt họ.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D, buộc bà Đỗ Thị N và ông Trần Mạnh T trả cho ông D 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện và lời khai của ông Nguyễn Thanh D, yêu cầu vợ chồng bà Đỗ Thị N, ông Trần Mạnh T trả 100.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất, đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Bà Đỗ Thị N, bị đơn có địa chỉ tại Thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R’Lấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Đỗ Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Mạnh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N và ông T.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D:

Về nợ gốc: Ngày 08-8-2019 bà Đỗ Thị N nhận từ ông Nguyễn Thanh D số tiền 100.000.000 đồng, có viết giấy nhận tiền, thỏa thuận tiền gốc trả lại trong thời hạn 06 tháng. Số tiền 100.000.000 đồng ông D đã chuyển vào tài khoản tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của bà Đỗ Thị N vào ngày 08-8-2019. Mục đích nhận tiền là để bà N cho vay lấy lãi góp vào việc làm từ thiện. Giấy nhận tiền không ghi lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bà N thừa nhận có vay tiền của ông D, mục đích là để cho các hộ dân có hoàn cảnh khó khăn vay vốn, chữ ký trong giấy nhận tiền là của bà. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và đã phát sinh hiệu lực. Đến hạn, ngày 08-02-2020 bà N không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, là vi phạm theo khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông D. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D về số tiền nợ gốc là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Giấy nhận tiền ngày 08-8-2019 không ghi lãi suất, bà N không thừa nhận vay có lãi, ông D cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh lãi suất là 2,5%/tháng như ông trình bày nên đây là hợp đồng vay không có lãi. Tại phiên hòa giải ngày 09-4-2021 các bên đã thống nhất thỏa thuận tính lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 08-02-2020 (là hạn chót trả tiền theo giấy nhận tiền ngày 08-8-2019) cho đến khi trả nợ xong. Tại phiên tòa ông D cũng đề nghị tính lãi kể từ ngày 08-02-2020. Nhận thấy sự thỏa thuận và đề nghị này đúng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận. Cụ thể tiền lãi phải trả được tính như sau: $100.000.000 \times 10\%/12 \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 13.194.000 \text{ đồng}$. Trong đó:

- Thời gian tính lãi: 08-02-2020 đến 03-6-2021: 01 năm 03 tháng 25 ngày.
- Lãi suất: 10%/năm.

Về nghĩa vụ trả nợ: Mặc dù bà N là người nhận tiền từ ông D. Ông T, chồng bà N không biết bà N sử dụng tiền như thế nào nhưng ông T đồng ý cùng bà N trả nợ. Vì

vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc cùng bà N thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông D.

Như vậy, bà N và ông T có nghĩa vụ trả cho ông D tổng cộng 113.194.000 đồng, gồm 100.000.000 đồng nợ gốc và 13.194.000 đồng tiền lãi.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên bà N, ông T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh D.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Mạnh T về việc cùng bà Đỗ Thị N trả tiền cho ông Nguyễn Thanh D.

Buộc bà Đỗ Thị N và ông Trần Mạnh T trả cho ông Nguyễn Thanh D số tiền 113.194.000 đồng. Trong đó có 100.000.000 đồng nợ gốc và 13.194.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Đỗ Thị N và ông Trần Mạnh T phải nộp 5.659.700đ (*Năm triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh D được nhận lại 2.865.000đ (*Hai triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004604 ngày 21-01-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đắk R'Lấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Lê Thị Thu Hà